

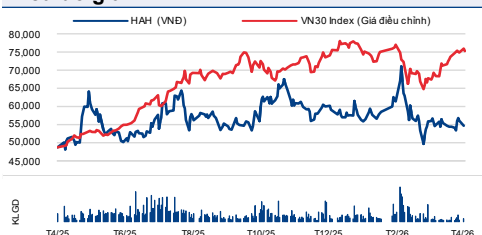
Năm giữ

Giá mục tiêu: VNĐ66,600
Tiềm năng tăng/giảm: 20.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (29/4/2026)	55,100
Mã Bloomberg	HAH VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	48,203-71,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	54,900
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	9,304
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	353
Slg CP lưu hành (tr.đv)	169
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	50.7
Slg CP NN được mua (tr.đv)	38.5
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	7.20%
Tỷ lệ freefloat	61.0%
Cổ đông lớn	u tư và Vận tải Hải Hà (15.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	5,091	5,034	5,309
EBITDA đc (tỷ đồng)	2,406	2,550	2,415
LNTT (tỷ đồng)	1,724	1,838	1,709
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,086	1,112	1,033
FCF (tỷ đồng)	18.8	2,215	772
EPS ĐC (đồng)	5,859	5,997	5,575
DPS (đồng)	1,000	1,000	1,000
BVPS (đồng)	26,704	30,155	35,469
T.trưởng EBITDA (%)	57.4	6.00	(5.32)
T.trưởng EPS ĐC (%)	33.3	2.79	(7.04)
Tăng trưởng DPS (%)	nm	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	47.3	50.7	45.5
Tỷ suất LNTT (%)	33.9	36.5	32.2
Tỷ suất LNT ĐC (%)	23.7	24.6	21.7
Tỷ lệ LN trả CT (%)	14.0	13.6	14.6
Nợ thuần/VCSH (%)	37.1	10.3	9.37
ROAE (%)	31.0	25.8	20.8
ROACE (%)	27.4	24.8	19.8
EV/doanh thu (lần)	2.15	1.95	1.86
EV/EBITDA ĐC (lần)	4.56	3.85	4.08
P/E ĐC (lần)	9.40	9.19	9.88
P/B (lần)	2.06	1.83	1.55
Lợi suất cổ tức (%)	1.81	1.81	1.81

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

HAH được thành lập năm 2009 tiền thân là một cảng container tại Hải Phòng. HAH mở rộng sang hoạt động vận tải container từ năm 2014 và hiện tại đang là doanh nghiệp vận tải hàng container lớn nhất Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp & nga.tttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q1/2026: Lợi nhuận thuần tăng 29% so với cùng kỳ, sát dự báo

- KQKD Q1/2026 tích cực và sát dự báo với lợi nhuận thuần đạt 300 tỷ đồng (tăng 29% so với cùng kỳ) trên doanh thu thuần 1,3 nghìn tỷ đồng (tăng 8% so với cùng kỳ), lần lượt hoàn thành 24% và 25% dự báo cho cả năm 2026 của HSC.
- KQKD trong quý được hỗ trợ nhờ việc mở rộng đội tàu (18 tàu trong Q1/2026, so với 17 tàu trong Q1/2025) và giá cước vận tải container tăng. Tuy nhiên, giá nhiên liệu tàu biển tăng mạnh có thể gây áp lực lên các tàu tự vận hành trong các quý tới.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 1-2% trong 1 tháng & 3 tháng qua, HAH đang giao dịch ở mức EV/EBITDA trượt dự phóng 1 năm là 4,3 lần, hơi cao hơn bình quân từ năm 2021 ở mức 3,7 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu đối với HAH.

Sự kiện: Công bố KQKD Q1/2026

Lợi nhuận thuần Q1/2026 tăng 29% so với cùng kỳ đạt 300 tỷ đồng (hoàn thành 24% dự báo cho cả năm 2026 của HSC) trên doanh thu thuần 1,3 nghìn tỷ đồng (tăng 8% so với cùng kỳ; hoàn thành 25% dự báo cả năm), được hỗ trợ nhờ đội tàu mở rộng và giá cước vận tải cũng như giá cho thuê tàu tăng trong kỳ. Chúng tôi sẽ phân tích chi tiết các động lực chính dưới đây.

Mở rộng đội tàu

Trong năm 2025, HAH đã nhận hai tàu mới – Haiian Zeta (1.700 TEU) vào tháng 2/2025 và Haiian Iris (1.100 TEU) vào tháng 10/2025 – nâng tổng số tàu lên 18 tàu tại thời điểm cuối năm 2025 (từ 16 tàu tại thời điểm cuối năm 2024) và tổng công suất đạt 29.295 TEU tại thời điểm cuối năm 2025 (từ 26.495 TEU tại thời điểm cuối năm 2024, tăng 10,6%). Tại thời điểm cuối Q1/2026, HAH có 18 tàu, không thay đổi so với quý trước. Do đó, Q1/2026 ghi nhận đóng góp toàn phần từ hai tàu mới, so với chỉ đóng góp một phần của một tàu trong Q1/2025.

Đáng chú ý, trong tháng 4, HAH đã tiếp tục mở rộng đội tàu lên 19 tàu sau khi nhận tàu Green Park (1.060 TEU), thuộc công ty liên kết Hai An Green Shipping Lines (công ty tư nhân, chưa niêm yết, HAH sở hữu 40% cổ phần). Theo kế hoạch, công ty liên kết này sẽ nhận thêm một tàu container thứ hai (Green Time; 2.800 TEU) trong tháng 5, nâng tổng số tàu lên 20 và tăng tổng công suất lên 33.155 TEU (tăng 13,2% so với cuối năm 2025).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/5.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q1/2026, HAH

Lợi nhuận thuần tăng mạnh 29% so với cùng kỳ lên 300 tỷ đồng

Tỷ đồng	Q1/25	Q1/26	So với cùng kỳ	Dự báo 2026 - HSC	% dự báo
Doanh thu thuần	1,169	1,265	8.2%	5,034	25.1%
Lợi nhuận gộp	385	495	28.5%		
Lợi nhuận tài chính	(24)	(30)	23.0%		
Chi phí BH&QL	(34)	(35)	3.4%		
Lợi nhuận thuần	233	300	28.6%	1,240	24.2%
Tỷ suất LN gộp	32.9%	39.1%			
Chi phí BH&QL/doanh thu	-2.9%	-2.8%			
Tỷ suất LN thuần	19.9%	23.7%			

Nguồn: HAH, HSC

Giá cước vận tải container tăng

Trong Q1/2026, 10/18 tàu của HAH được cho thuê theo hợp đồng thuê tàu định hạn, trong khi 8 tàu còn lại do công ty tự vận hành. Tàu Green Park mới nhận cũng được cho thuê theo hợp đồng thuê tàu định hạn. Do đó, hiện tại 11/19 tàu của HAH đang hoạt động theo hình thức cho thuê định hạn. Có 4 tàu hoạt động tại thị trường nội địa, trong khi 15 tàu còn lại hoạt động tại thị trường quốc tế (nội Á).

Giá cước vận tải container đã tăng kể từ đầu tháng 3, sau căng thẳng Mỹ-Iran (bắt đầu từ ngày 28/2) và việc Iran đóng cửa eo biển Hormuz.

Chỉ số container nội Á do công ty tư vấn và nghiên cứu vận tải biển quốc tế Drewry công bố đã tăng khoảng 24% trong tháng 3/2026 và tăng thêm khoảng 30% trong tháng 4/2026, đạt mức 890 USD/40ft tại thời điểm cuối tháng 4, từ mức 550 USD/40ft tại thời điểm cuối tháng 2, tương ứng tăng tổng cộng 60% trong hai tháng qua và tăng 26% so với cùng kỳ. Khu vực nội Á ghi nhận mức tăng giá cước container mạnh hơn (chỉ số container thế giới chỉ tăng 17% trong hai tháng qua) nhờ nhu cầu mạnh từ Trung Quốc.

Các tàu tự vận hành của HAH được hưởng lợi từ giá cước vận tải container tăng nhưng đồng thời cũng chịu rủi ro từ chi phí nhiên liệu tăng cao. Giá VLSFO (dầu nhiên liệu hàng hải) tại Singapore đã tăng mạnh từ chưa đến 450 USD/tấn vào đầu năm và khoảng 500 USD/tấn tại thời điểm cuối tháng 2 lên mức đỉnh 1.120 USD/tấn tại thời điểm giữa tháng 3, sau đó đã hạ nhiệt xuống còn 717 USD/tấn tại thời điểm cuối tháng 4. Trước đợt tăng mạnh gần đây, chi phí nhiên liệu thường chiếm khoảng 30% tổng chi phí hoạt động. Có vẻ như đội tàu tự vận hành của HAH chưa bị ảnh hưởng nhiều bởi việc giá nhiên liệu tăng mạnh trong Q1/2026, nhưng có thể sẽ chịu tác động nếu chi phí nhiên liệu duy trì ở mức cao.

Chuyển đổi trái phiếu và ESOP

Trong tháng 2/2024, HAH đã phát hành 500 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi (500 trái phiếu với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu), với kỳ hạn 5 năm, lãi suất coupon 6%/năm và giá chuyển đổi là 23.739đ/cp. Trong năm 2025, công ty đã hoàn tất đợt chuyển đổi đầu tiên, chuyển đổi 203 trái phiếu (203 tỷ đồng) thành 8,55 triệu cổ phiếu mới, tương đương 7% số lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi chuyển đổi.

Vào ngày 12/3/2026, HAH đã hoàn tất đợt chuyển đổi thứ hai, chuyển đổi 297 trái phiếu còn lại thành 16,98 triệu cổ phiếu mới với giá chuyển đổi điều chỉnh là 17.492đ/cp, tương đương 10% số lượng cổ phiếu đang lưu hành trước đợt chuyển đổi này.

Như vậy, HAH đã hoàn tất việc chuyển đổi toàn bộ số trái phiếu chuyển đổi này. Theo đó, tổng số cổ phiếu đang lưu hành đã tăng lên 185,84 triệu cổ phiếu tại thời điểm cuối Q1/2026, so với 168,86 triệu cổ phiếu tại thời điểm cuối năm 2025.

Trong tháng 4, HAH cũng phát hành 2,5 triệu cổ phiếu ESOP, tương đương 1,35% tổng số cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành ESOP, với giá phát hành là 10.000đ/cp. Số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 3 năm. Theo đó, tổng số cổ phiếu đang lưu hành đã tăng lên 188,34 triệu cổ phiếu.

Lưu ý, mô hình dự báo của HSC đã phản ánh tác động pha loãng từ trái phiếu chuyển đổi, nhưng chưa phản ánh tác động từ ESOP.

Xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo

Sau khi giá cổ phiếu giảm 1-2% trong 1 tháng & 3 tháng qua, HAH đang giao dịch ở mức EV/EBITDA trượt dự phóng 1 năm là 4,3 lần, hơi cao hơn bình quân từ năm 2021 ở mức 3,7 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	3,992	5,091	5,034	5,309	5,712
Lợi nhuận gộp	1,267	1,965	2,047	1,858	1,958
Chi phí BH&QL	(211)	(147)	(151)	(159)	(171)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	1,056	1,817	1,896	1,698	1,787
Lãi vay thuần	(94.1)	(95.5)	(62.4)	4.32	23.4
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	18.3	26.2	28.8	31.7	34.9
Lợi nhuận khác	(3.15)	(24.6)	(24.4)	(25.7)	(27.6)
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LN TT	977	1,724	1,838	1,709	1,818
Chi phí thuế TNDN	(177)	(323)	(344)	(320)	(340)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(150)	(194)	(254)	(236)	(251)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	651	1,207	1,240	1,153	1,226
Lợi nhuận thuần ĐC	582	1,086	1,112	1,033	1,099
EBITDA ĐC	1,529	2,406	2,550	2,415	2,622
EPS (đồng)	5,361	7,145	7,345	6,828	7,263
EPS ĐC (đồng)	4,797	5,859	5,997	5,575	5,931
DPS (đồng)	0	1,000	1,000	1,000	1,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	121	169	169	169	169
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	121	169	169	169	169
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	121	185	185	185	185

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	922	534	1,717	1,561	1,801
Đầu tư ngắn hạn	70.5	54.0	53.4	56.3	60.6
Phải thu khách hàng	504	718	705	743	800
Hàng tồn kho	87.8	155	154	162	174
Các tài sản ngắn hạn khác	168	103	101	107	115
Tổng tài sản ngắn hạn	1,753	1,564	2,730	2,629	2,950
TSCĐ hữu hình	4,566	4,993	5,504	6,428	7,231
TSCĐ vô hình	3.86	2.75	2.78	2.81	2.84
Bất động sản đầu tư	0	14.5	0	0	0
Đầu tư dài hạn	41.3	69.3	68.7	71.4	75.2
Đầu tư vào Cty LD,LK	153	580	573	604	650
Tài sản dài hạn khác	772	1,491	701	899	915
Tổng tài sản dài hạn	5,537	7,150	6,850	8,006	8,874
Tổng cộng tài sản	7,290	8,714	9,579	10,635	11,824
Nợ ngắn hạn	532	711	705	743	800
Phải trả người bán	206	275	272	287	308
Nợ ngắn hạn khác	357	340	336	354	381
Tổng nợ ngắn hạn	1,210	1,514	1,499	1,581	1,700
Nợ dài hạn	1,798	1,489	1,534	1,375	1,216
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	310	316	316	316	316
Tổng nợ dài hạn	2,108	1,805	1,850	1,690	1,531
Tổng nợ phải trả	3,318	3,319	3,348	3,271	3,232
Vốn chủ sở hữu	3,277	4,509	5,092	5,989	6,966
Lợi ích cổ đông thiểu số	695	885	1,139	1,375	1,626
Tổng vốn chủ sở hữu	3,972	5,395	6,231	7,364	8,592
Tổng nợ phải trả và VCSH	7,290	8,714	9,579	10,635	11,824
BVPS (đ)	27,005	26,704	30,155	35,469	41,254
Nợ thuần*/(tiền mặt)	1,408	1,667	522	557	215

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	1,056	1,817	1,896	1,698	1,787
Khấu hao	(473)	(588)	(654)	(716)	(836)
Lãi vay thuần	(94.1)	(95.5)	(62.4)	4.32	23.4
Thuế TNDN đã nộp	(117)	(274)	0	0	0
Thay đổi vốn lưu động	(25.6)	(427)	0	0	0
Khác	(36.6)	(117)	(57.9)	10.3	30.7
LCT thuần từ HKKD	1,405	1,709	3,306	2,394	2,593
Đầu tư TS dài hạn	(1,698)	(1,690)	(1,091)	(1,622)	(1,623)
Góp vốn & đầu tư	(57.5)	(316)	7.55	7.55	7.55
Thanh lý	10.9	(1.53)	0	0	0
Khác	84.5	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(1,660)	(2,007)	(1,083)	(1,614)	(1,615)
Cổ tức trả cho CSH	(0.02)	(157)	(169)	(169)	(169)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	1,029	173	38.4	(121)	(103)
Khác	(99.5)	(105)	(909)	(646)	(466)
LCT thuần từ HĐTC	930	(88.8)	(1,039)	(935)	(738)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	245	922	534	1,717	1,561
LCT thuần trong kỳ	675	(387)	1,183	(156)	240
Ảnh hưởng của tỷ giá	1.63	(1.19)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	922	534	1,717	1,561	1,801
Dòng tiền tự do	(293)	18.8	2,215	772	970

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	31.7	38.6	40.7	35.0	34.3
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	38.3	47.3	50.7	45.5	45.9
Tỷ suất LNT (%)	16.3	23.7	24.6	21.7	21.5
Thuế TNDN hiện hành (%)	18.1	18.7	18.7	18.7	18.7
Tăng trưởng doanh thu (%)	52.8	27.5	(1.12)	5.46	7.58
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	79.8	57.4	6.00	(5.32)	8.61
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	64.7	86.5	2.37	(7.04)	6.37
Tăng trưởng EPS (%)	47.0	33.3	2.79	(7.04)	6.37
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	43.2	22.1	2.37	(7.04)	6.37
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	14.0	13.6	14.6	13.8
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	21.9	31.0	25.8	20.8	18.9
ROACE (%)	20.1	27.4	24.8	19.8	18.6
Vòng quay tài sản (lần)	0.63	0.64	0.55	0.53	0.51
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.33	0.94	1.74	1.41	1.45
Số ngày tồn kho	11.8	18.1	18.8	17.1	16.9
Số ngày phải thu	67.6	83.9	86.1	78.6	77.8
Số ngày phải trả	27.5	32.1	33.2	30.3	30.0
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	43.2	37.1	10.3	9.37	3.15
Nợ/tài sản (%)	32.1	25.3	23.4	20.0	17.1
EBIT/lãi vay (lần)	11.2	19.0	30.4	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.53	0.92	0.88	0.88	0.77
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.45	1.03	1.82	1.66	1.73
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.03	2.15	1.95	1.86	1.67
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.29	4.56	3.85	4.08	3.63
P/E (lần)	10.3	7.71	7.50	8.07	7.59
P/E ĐC (lần)	11.5	9.40	9.19	9.88	9.29
P/B (lần)	2.04	2.06	1.83	1.55	1.34
Lợi suất cổ tức (%)	0	1.81	1.81	1.81	1.81

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn